TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2021
V/v Ly hôn giữa chị T và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Vũ
2. Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1986; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. *(vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1989; Trú tại: Ấp Thới Trung, xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2009, do quen biết, tìm hiểu, chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi và không quan tâm gì đến vợ. Chị T nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không sửa đổi mà còn kiếm chuyện cự cải và hành hung. Từ đó, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên chị T xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày: Anh T thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị Cẩm T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có,

Về tài sản chung: Xác định không có.

Về nghĩa vụ chung: Xác định không có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Quốc T.

Về nuôi con chung: Chị T và anh T xác định không có.

Về chia tài sản chung: Chị T và anh T xác định không có.

Về nghĩa vụ chung: Chị T và anh T xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Quốc T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị T và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Vợ chồng xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi và không quan tâm gì đến vợ. Chị T nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không sửa đổi mà còn kiếm chuyện cự cải và hành hung. Thời gian sống ly thân, vợ chồng thừa nhận không quan

tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh T thống nhất thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị T xin ly hôn với anh T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh T xác định không có.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị T và ánh Toàn xác định không có.

[2.4] N*ghĩa vụ chung*: Chị T và anh T xác định không có.

[3] *Án phí*: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Quốc T.

2. *Về nuôi con chung*: Chị T và anh T xác định không có.

3. *Về chia tài sản chung*: Chị T và anh T xác định không có.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Chị T và anh T xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013431 ngày 06 tháng 11 năm 2020 thành tiền án phí. Công nhận chị T đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án tuyên công khai, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa